

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2014	Số dư 01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66,509,981,157	61,581,722,829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25,532,790,026	22,135,255,073
1. Tiền	111		7,335,876,338	6,135,255,073
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,196,913,688	16,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,550,000,000	800,000,000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4,550,000,000	800,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30,401,308,868	34,533,820,562
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	27,215,303,875	22,921,252,354
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	879,594,100	3,037,711,804
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2,306,410,893	8,574,856,404
IV. Hàng tồn kho	140		1,137,388,059	399,996,127
Hàng tồn kho	141		1,137,388,059	399,996,127
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,888,494,204	3,712,651,067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,337,234,315	2,384,452,050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	522,168,451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,983,396,349	344,190
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1,567,863,540	805,686,376
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166,173,320,998	174,170,127,776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		110,980,975,257	94,095,304,487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	93,691,532,940	73,277,037,997
Nguyên giá	222		138,473,492,183	118,064,244,984
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44,781,959,243)	(44,787,206,987)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1,200,000,000	1,120,000,000
Nguyên giá	228		1,200,000,000	1,120,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		16,089,442,317	19,698,266,490
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		48,268,336,255	74,217,862,972
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	40,668,336,255	67,417,862,972
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	7,600,000,000	6,800,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,439,151,724	3,629,673,675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4,191,201,724	2,881,723,675
2. Tài sản dài hạn khác	268		1,247,950,000	747,950,000
VI. Lợi thế thương mại	269		1,484,857,762	2,227,286,642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232,683,302,155	235,751,850,605

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý IV năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2014	Số dư 01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		13,588,220,874	18,856,473,012
I. Nợ ngắn hạn	310		13,446,351,821	18,343,303,959
1. Phải trả người bán	312	V.12	8,511,659,184	13,337,634,191
2. Người mua trả tiền trước	313		24,700,000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	1,414,840,788	2,092,717,172
4. Phải trả người lao động	315		1,812,238,381	1,048,873,630
5. Chi phí phải trả	316		114,090,909	50,689,891
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	563,544,113	554,625,703
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,005,278,446	723,309,697
8. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		-	535,453,675
II. Nợ dài hạn	330		141,869,053.00	513,169,053.00
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		30,000,000	400,000,000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111,869,053	113,169,053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217,946,840,624	215,804,139,672
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	217,946,840,624	215,804,139,672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	99,998,840,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,959,478,445	1,928,510,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(694,034,275)	(4,573,065,830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		733,424,655	742,424,655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6,745,703,936	5,574,565,936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		108,202,267,863	112,132,864,911
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		1,148,240,657	1,091,237,921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232,683,302,155	235,751,850,605

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/09/2014	Số dư 01/01/2014
Chi phí tài trợ các loại:				
- Chi phí tài trợ bằng đồng (VNĐ)				
- Chi phí tài trợ bằng Đô la Mỹ (USD)			\$79,508.61	\$11,012.79



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGUYỄN THẾ HUNG
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
 Kế toán trưởng

VÕ THỊ THU HƯƠNG
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý IV năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

(Có so sánh với số liệu Quý IV năm 2013)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	Lũy kế Quý IV	Quý IV năm 2013	Lũy kế Quý IV
			Quý IV năm 2014	năm 2014	Quý IV năm 2013	năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31,545,753,126	111,682,601,749	23,365,001,553	105,932,221,188
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31,545,753,126	111,682,601,749	23,365,001,553	105,932,221,188
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	25,356,834,899	85,293,602,821	17,446,957,906	76,234,439,975
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,188,918,227	26,388,998,928	5,918,043,647	29,697,781,213
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,471,627,570	3,715,019,652	611,513,903	2,526,083,061
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	-	193,506,193	2,331,508	103,541,220
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-		
8 Chi phí bán hàng	24					
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2,595,269,586	9,516,742,440	2,660,659,006	10,279,844,156
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,065,276,211	20,393,769,947	3,866,567,036	21,840,478,898
11 Thu nhập khác	31	VI.6	390,909,090	21,390,673,413	381,863,636	1,564,553,244
12 Chi phí khác	32	VI.7	900,000	9,192,413,112	80,604,998	611,711,566
13 Lợi nhuận khác	40		390,009,090	12,198,260,301	301,258,638	952,841,678
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		3,784,556,363	15,826,985,468	6,793,580,722	22,280,011,675
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,239,841,664	48,419,015,716	10,961,406,396	45,073,332,251
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		988,169,491	7,019,435,322	1,030,958,064	5,698,117,229
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8,251,672,173</u>	<u>41,399,580,394</u>	<u>9,930,448,332</u>	<u>39,375,215,022</u>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		39,089,838	185,751,790	60,586,237	150,484,345
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>8,212,582,335</u>	<u>41,213,828,604</u>	<u>9,869,862,095</u>	<u>39,224,730,677</u>
Trong đó						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9,820,192	9,793,636	9,784,784	9,784,784
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>836.30</u>	<u>4,208.23</u>	<u>1,008.69</u>	<u>4,008.75</u>



NGUYỄN THẾ HÙNG
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGUYỄN THÀNH VĂN
 Kế toán trưởng

VÕ THỊ THU HƯƠNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		48,419,015,716	44,972,769,396
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		11,010,774,826	11,339,631,407
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23,588,510,063)	(29,715,036,564)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		35,841,280,479	26,597,364,239
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		2,075,802,702	(498,853,585)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(737,391,932)	913,930,723
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1,071,122,322)	(3,743,757,748)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(262,260,314)	(3,388,292,107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7,558,250,175)	(5,712,377,499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,239,375,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4,303,156,017)	(3,174,503,237)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		25,224,277,421	10,993,510,786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36,913,970,122)	(32,593,254,504)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12,860,000,000	963,454,546
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4,550,000,000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(18,276,360,137)	(6,030,950,216)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1,310,182,500
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51,472,504,591	22,732,918,968
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		4,592,174,332	(13,617,648,706)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26,418,916,800)	(5,707,134,875)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(26,418,916,800)	(5,707,134,875)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3,397,534,953	(8,331,272,795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22,135,255,073	30,466,527,868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25,532,790,026	22,135,255,073



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

VÕ THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2014 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ.
- Ngành, nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp

4. Công ty con, công ty liên kết

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,08%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,92%
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	25,00%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	49,00%
3	Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú	40,00%

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 52 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 59 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 13 của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để quy đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch (Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP.HCM).

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại Tại ngày các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các Tại ngày tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và Tại ngày giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty liên kết hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

5. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu,

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, ký quỹ ngắn hạn và khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá một năm

11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6– 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư đóng mới sản lan tự hành phục vụ cho mục đích kinh doanh chưa hoàn thành.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá hai năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

16. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế theo Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 01 năm 2006. Do đó, năm 2012 Công ty không xử lý hoàn nhập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 180/2012-TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên Tại ngày các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tiền mặt	621.027.910	1.049.926.467
Tiền gửi ngân hàng	10.911.762.116	5.085.328.606
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	25.532.790.026	22.135.255.073
<p>(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 6,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).</p>		
2. Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	4.550.000.000	800.000.000
Cộng	4.550.000.000	800.000.000
<p>Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần và tiền cho các bên liên quan vay với lãi suất 6%-7%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).</p>		
3. Phải thu của khách hàng		
<p>Phải thu khách hàng cung cấp các dịch vụ tại các đơn vị như sau:</p>		
Công ty Cổ phần Hải Minh	13.175.603.985	11.058.831.782
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.943.980.911	4.944.704.977
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	9.095.718.979	6.917.715.595
Cộng	27.215.303.875	22.921.252.354
4. Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	2.855.093.337
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	500.000.000	182.618.467
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	379.594.100	-
Cộng	879.594.100	3.037.711.804
5. Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Hải Minh	850.985.204	8.365.770.257
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	42.951.310	6.703.545
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.412.474.379	202.382.602
Cộng	2.306.410.893	8.574.856.404
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hải Minh	352.216.012	1.539.269.221
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	493.931.151	495.615.241
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	491.087.152	349.567.588
Cộng	1.337.234.315	2.384.452.050

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản nhân viên tạm ứng và ký quỹ ngắn hạn tại các đơn vị như sau:

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.157.454.126	169.771.437
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	241.511.461	519.811.084
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	168.897.953	116.103.855
Cộng	1.567.863.540	805.686.376

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	46.986.826.725	12.752.962.894	54.646.025.248	547.178.435	3.131.251.682	118.064.244.984
Tăng trong kỳ	15.316.270.734	3.141.277.728	17.760.884.034	3.261.485.208	962.876.591	40.442.794.295
Giảm trong kỳ	-	-	20.033.547.096	-	-	20.033.547.096
Tại ngày 31/12/2014	62.303.097.459	15.894.240.622	52.373.362.186	3.808.663.643	4.094.128.273	138.473.492.183
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	13.157.737.828	8.495.790.316	22.518.553.391	510.750.396	104.375.056	44.787.206.987
Tăng trong kỳ	3.279.939.924	899.774.949	5.841.286.361	340.570.746	649.202.846	11.010.774.826
Giảm trong kỳ	-	-	11.016.022.570	-	-	11.016.022.570
Tại ngày 31/12/2014	16.437.677.752	9.395.565.265	17.343.817.182	851.321.142	753.577.902	44.781.959.243
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	33.829.088.897	4.257.172.578	32.127.471.857	36.428.039	3.026.876.626	73.277.037.997
Tại ngày 31/12/2014	45.865.419.707	6.498.675.357	35.029.545.004	2.957.342.501	3.340.550.371	93.691.532.940
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2014	-	6.928.500.191	2.495.688.999	446.660.149	-	9.870.849.339
Tại ngày 31/12/2014	-	6.928.500.191	5.040.453.207	493.860.149	-	12.462.813.547

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết	26.045.219.451	10.742.465.800
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	18.175.783.651	3.902.030.000
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	7.069.435.800	6.040.435.800
Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	800.000.000	800.000.000
Phần (lỗ)/lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	14.623.116.804	56.675.397.172
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	14.235.549.916	56.053.436.745
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	665.162.949	(249.477.441)
Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	(277.596.061)	71.437.868
Cộng	40.668.336.255	67.417.862.972

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Tp. Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25%	25%	18.175.783.651
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49%	49%	7.069.435.800
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40%	40%	800.000.000
Cộng					26.045.219.451

10. Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.800.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	7.600.000.000	6.800.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác mà Công ty đầu tư dưới 20% vốn điều lệ của các Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	Tp. Hồ Nội	Vận tải và xếp dỡ hàng hóa	4%	4%	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	Tp. Hồ Chí Minh	Khai thác cảng biển	10%	10%	1.800.000.000
Cộng					7.600.000.000

(*) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 550.000 cổ phiếu (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 500.000 cổ phiếu).

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	403.048.260	671.139.368
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.880.561.151	1.037.938.538
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.907.592.313	1.172.645.769
Cộng	4.191.201.724	2.881.723.675

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

12. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	6.594.278.234	8.411.599.714
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	155.745.950	2.990.672.431
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.761.635.000	1.935.362.046
Cộng	8.511.659.184	13.337.634.191

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2014
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(405.378.725)	2.941.858.920	4.031.432.475	(1.494.952.280)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.449.529.702	7.019.435.322	7.558.250.175	910.714.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	209.140.390	1.494.491.894	1.772.765.112	(69.132.828)
Thuế nhà Thầu	66.428.980	1.046.395.418	1.028.009.700	84.814.698
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	199.608.600	820.122.780	1.019.731.380	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	1.519.328.947	13.331.304.334	15.419.188.842	(568.555.561)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ, hàng hóa trong nước
0% dịch vụ cước vận tải quốc tế

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	357.819.156	276.292.530
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	178.023.938	264.462.673
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	27.701.019	13.870.500
Cộng	563.544.113	554.625.703

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày đầu năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672
Tăng vốn trong kỳ	-	1.030.968.445	3.879.031.555	-	-	-	4.910.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	41.213.828.604	41.213.828.604
Tăng khác	1.160.000	-	-	-	-	-	1.160.000
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(26.418.916.800)	(26.418.916.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.171.138.000	(5.424.932.000)	(4.253.794.000)
Giảm khác	-	-	-	(9.000.000)	-	(1.160.000)	(10.160.000)
Điều chỉnh do xác định lợi tỷ lệ vốn góp của công ty liên kết (do có sự biến động giảm tỷ lệ vốn góp trong công ty liên kết)	-	-	-	-	-	(13.299.416.852)	(13.299.416.852)
Tại ngày cuối năm nay	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	733.424.655	6.745.703.936	108.202.267.863	217.946.840.624

Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01-2014/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014, trong đó cổ tức được chia cho các cổ đông với tỷ lệ là 17% vốn điều lệ.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng thông nhất thông qua dự kiến mức chia cổ tức năm 2014 từ 12% đến 17% vốn điều lệ bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận sau thuế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2014			Tại ngày 01/01/2014		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3.31%	331.038	3.310.380.000	3,31%	331.038	3.310.380.000
Ông Nguyễn Văn Hà	2.64%	263.667	2.636.670.000	2,64%	263.667	2.636.670.000
Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	1.21%	120.653	1.206.530.000	1,21%	120.653	1.206.530.000
Ông Nguyễn Thế Quân	3.51%	351.380	3.513.800.000	3,34%	334.010	3.340.100.000
Ông Lý Tiến Dũng	1.06%	105.596	1.055.960.000	3,12%	311.996	3.119.960.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2.50%	249.848	2.498.480.000	2,29%	229.004	2.290.040.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	1.72%	172.054	1.720.540.000	2,05%	204.654	2.046.540.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	2.26%	225.718	2.257.180.000	2,05%	204.874	2.048.740.000
Ông Phùng Văn Quang	2.53%	252.702	2.527.020.000	2,32%	231.863	2.318.630.000
PETER ERIC DENNIS	4.90%	490.392	4.903.920.000	3,24%	324.492	3.244.920.000
ERIKOISSIJOITUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))	0.00%	18	180.000	3,00%	300.000	3.000.000.000
TTK GLOBAL RESOURCES PTE. LTD.	2.34%	234.418	2.344.180.000	2,34%	234.418	2.344.180.000
Cổ đông khác	72.03%	7.202.516	72.025.160.000	69,09%	6.909.331	69.093.310.000
Cộng	100.00%	10.000.000	100.000.000.000	100,00%	10.000.000	100.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	31.716	215.216
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành.	9.968.284	9.784.784
Cổ phiếu phổ thông	9.968.284	9.784.784
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2014	Lũy kế Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013	Lũy kế Quý IV năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	12.402.593.391	37.734.235.551	9.159.368.794	37.345.786.120
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	8.109.323.998	38.459.222.983	10.970.589.281	45.039.698.174
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	11.033.835.737	35.489.143.215	3.235.043.478	23.546.736.894
Cộng	31.545.753.126	111.682.601.749	23.365.001.553	105.932.221.188

2. Giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	9.365.688.987	27.882.503.908	7.073.320.288	26.544.632.980
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	5.152.115.574	20.440.940.128	8.647.871.081	34.038.586.065
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	-	11.809.479
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	10.839.030.338	36.970.158.785	1.725.766.537	15.639.411.451
Cộng	25.356.834.899	85.293.602.821	17.446.957.906	76.234.439.975

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.447.194.857	3.607.752.305	454.306.525	1.791.649.464
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	10.582.904	39.144.289	61.309.078	278.216.096
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	-	230.130.853
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	-	89.343.949
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	13.849.809	68.123.058	95.898.300	136.742.699
Cộng	1.471.627.570	3.715.019.652	611.513.903	2.526.083.061

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2014	Lũy kế Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013	Lũy kế Quý IV năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	104.994.887	2.331.508	103.529.220
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	88.511.306	-	12.000
Cộng	-	193.506.193	2.331.508	103.541.220

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.266.451.540	4.855.504.639	1.202.912.312	5.152.931.925
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	768.906.609	2.821.307.511	963.206.307	3.245.647.797
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	-	26.785.726
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	-	270.231.580
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	559.911.437	1.839.930.290	494.540.387	1.584.247.128
Cộng	2.595.269.586	9.516.742.440	2.660.659.006	10.279.844.156

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	-	20.705.218.868	364.545.455	1.106.130.910
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	390.909.090	530.909.090	17.318.181	17.318.181
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	-	91.104.153
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	154.545.455	-	350.000.000
Cộng	390.909.090	21.390.673.413	381.863.636	1.564.553.244

7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	-	9.103.616.867	80.604.998	472.684.181
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	900.000	73.862.944	-	17.157.457
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	-	121.869.928
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	14.933.301	-	-
Cộng	900.000	9.192.413.112	80.604.998	611.711.566

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	9.784.784	9.784.784
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	183.500	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.820.192	9.784.784
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.212.582.335	9.869.862.095
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	836.30	1.008.69

9. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 4/2014 so với quý 4/2013.

Do giảm tỷ lệ vốn góp đầu tư vào C.ty liên doanh, liên kết. Do đó lợi nhuận quý 4/2014 các C.ty liên doanh, liên kết mang lại giảm hơn 10% so với quý 4/2013.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Qui IV năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015

NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

VÕ THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu